

CHI NHÁNH HÀ TÂY
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NAM CƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....03★80.....

Số04...../TM-CNHT.NCHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2024

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

Kính mời: Quý nhà thầu

Chi nhánh Hà Tây - Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu: “Thiết kế mẫu biệt thự Lô K08-L10, K08-L11 và điều chỉnh hồ sơ thiết kế biệt thự song lập Lô E,K” thuộc Dự án: Khu ĐTM Dương Nội.

Kính mời quý công ty tham gia chào giá gói thầu với các thông tin như sau:

- Tên gói thầu:** Thiết kế mẫu biệt thự Lô K08-L10, K08-L11 và điều chỉnh hồ sơ thiết kế biệt thự song lập Lô E,K
- Dự án:** Khu ĐTM Dương Nội
- Thành phần, quy cách hồ sơ chào giá:** Theo hồ sơ mời chào giá cạnh tranh (kèm theo).
- Thời gian phát hành hồ sơ mời chào giá cạnh tranh:** từ 16h00 ngày 29 tháng 04 năm 2024.
- Thời gian nộp hồ sơ chào giá:** Trước 17h00 ngày 03 tháng 02 năm 2024.
- Hình thức nộp hồ sơ chào giá:**

- Nhà thầu nộp Bản cứng hồ sơ chào giá về địa chỉ:

Ban Hành chính - Phòng 515, Tòa nhà Nam Cường, Km 4, Tổ Hữu, La Khê, Hà Đông, Hà Nội.

- Thông tin giải đáp thắc mắc trong quá trình đấu thầu của Chủ đầu tư tại:

Ban Quản lý Đấu thầu;

Số Điện thoại: 024.63251888 (máy lẻ 2098);

Fax: 024.6325.1999.

Trân trọng kính mời!

Nơi nhận:

- Đăng trên website Tập đoàn Nam Cường;
- Gửi Email đến toàn bộ CBNV Tập đoàn.
- Lưu: Văn thư (bản gốc)
- Lưu: Đth (bản copy)

CHI NHÁNH HÀ TÂY
- CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN
NAM CƯỜNG HÀ NỘI



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Đức Vinh

CHƯƠNG I: THÔNG TIN GÓI THẦU VÀ QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HỒ SƠ

I THÔNG TIN GÓI THẦU		
1	Bên mời thầu	CHI NHÁNH HÀ TÂY CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI
2	Gói thầu	Thiết kế mẫu biệt thự Lô K08-L10, K08-L11 và điều chỉnh hồ sơ thiết kế biệt thự song lập Lô E,K Dự án: Khu đô thị mới Dương Nội
3	Dự án	Khu ĐTM Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
4	Nguồn vốn	Vốn tự có của chủ đầu tư, vốn vay tín dụng và vốn huy động hợp pháp.
5	Phạm vi công việc	Phạm vi công việc: Thiết kế mẫu biệt thự Lô K08-L10, K08-L11 và điều chỉnh hồ sơ thiết kế biệt thự song lập Lô E,K (Chi tiết trong nhiệm vụ thiết kế đính kèm)
6	Tiến độ thực hiện	Tiến độ thực hiện như sau: - Thiết kế mẫu biệt thự Lô K08-L10, K08-L11: 15 ngày - Điều chỉnh hồ sơ thiết kế biệt thự song lập Lô E,K: 60 ngày (Thời gian tính tiến độ không tính ngày lễ và chủ nhật theo quy định của Nhà nước, thời gian phê duyệt hồ sơ của Chủ đầu tư)
II HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG VÀ CÁC ĐIỀU KHOẢN TÀI CHÍNH THƯƠNG MẠI		
1	Hình thức hợp đồng	Trọn gói.
2	Bảo đảm thực hiện hợp đồng	Không thực hiện.
3	Tạm ứng hợp đồng	10% Giá trị hợp đồng (Thu hồi tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên)
4	Thanh toán	- Sau khi Nhà thầu bàn giao Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, và dự toán cho Chủ đầu tư và được CĐT nghiệm thu - Thanh toán 85% Giá trị khối lượng hoàn thành
5	Quyết toán	- Nhà Thầu đã hoàn thành toàn bộ các Công Việc theo Hợp Đồng này và Hai Bên ký Biên Bản Nghiệm Thu Công Việc Hoàn Thành; và - Nhà Thầu đã nộp cho Chủ Đầu Tư bộ hồ sơ quyết toán hợp lệ theo quy định

		- Chủ Đầu Tư sẽ thanh toán cho Nhà Thầu 100% Giá Trị Quyết Toán và trừ đi các khoản tiền sau: tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán, các khoản tiền vi phạm và bồi thường thiệt hại (nếu có)
III	NỘI DUNG, QUY CÁCH HỒ SƠ ĐỀ XUẤT.	
1	Phạm vi công việc	Bảng giá đề xuất bao gồm toàn bộ chi phí để nhà thầu thực hiện công việc theo đề xuất nhiệm vụ đính kèm Hồ sơ mời thầu.
2	Đăng ký kinh doanh, chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng	- Có ngành nghề phù hợp với nội dung gói thầu. - Có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng phù hợp với gói thầu.
3	Đề xuất nhân sự của Nhà thầu	- Danh sách nhân sự của gói thầu. - Lý lịch công tác. - Bảng cấp của nhân sự (yêu cầu có chứng chỉ hành nghề phù hợp của các chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn).
4	Tiến độ	Theo tiến độ chung của nhiệm vụ thiết kế.
5	Quy cách gửi hồ sơ chào giá (HSCG)	Bao gồm: 01 bộ gốc + 01 bộ sao
6	Chữ ký trong HSCG	- Đơn giá đề xuất và các biểu mẫu khác phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. - Chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu (là người đại diện theo pháp luật của Nhà thầu hoặc người được ủy quyền kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ theo mẫu số 02).
7	Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSCG	- HSCG phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà thầu tự quy định, bên mời thầu sẽ không nhận các túi hồ sơ không được niêm phong). Trên túi đựng HSCG nhà thầu ghi rõ các thông tin về tên, địa chỉ, điện thoại của nhà thầu, tên gói thầu, bản gốc hoặc bản chụp.
8	Nhãn của HSCG	- Tên Gói thầu: - Công trình: - Chủ đầu tư: - Tên Nhà thầu: - Số điện thoại/Email liên hệ của nhà thầu: - Thư giảm giá: (ghi rõ CÓ/KHÔNG CÓ)
9	Hạn nộp HSĐX	- Hồ sơ nộp trước: 17h00 ngày 2 tháng 2 năm 2024 - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Ban Hành chính - Phòng 515, Tòa nhà Nam Cường, Km 4, Tổ Hữu, La Khê, Hà

		Đông, Hà Nội
10	Nhà thầu cần làm rõ thông tin trong hồ sơ mời chào giá	- Trường hợp Nhà thầu cần làm rõ thông tin trong hồ sơ mời chào giá cạnh tranh, Nhà thầu có thể liên hệ với Ban đấu thầu theo thông tin dưới đây, Nhà thầu phải gửi đề nghị (một lần duy nhất) cho Bên mời chào giá về việc đề nghị làm rõ hồ sơ (Nếu có yêu cầu cần làm rõ). - Ban Đấu thầu: Phòng 402, Tầng 4 tòa nhà NamCuong Building, Km số 4 đường Tố Hữu, Q. Hà Đông, Tp. Hà Nội Liên hệ: Vũ Đạt - 0968521125
11	Thời gian có hiệu lực của HSCG	30 ngày.
12	Cam kết bảo mật thông tin	Cam kết chính trực và bảo mật thông tin đấu thầu: Nội dung cam kết là yêu cầu bắt buộc đối với Nhà thầu khi tham gia đấu thầu/chào giá.
13	Quy trình Lựa chọn nhà thầu	- Bước 1: Phát hành hồ sơ mời chào giá cạnh tranh - Bước 2: Nhà thầu nộp hồ sơ đề xuất; - Bước 3: Chủ đầu tư tiếp nhận, đánh giá hồ sơ đề xuất; - Bước 4: Mời các nhà thầu thương thảo đàm phán và đánh giá - Bước 5: CĐT đánh giá hồ sơ đề xuất, thương thảo điều kiện chi tiết hợp đồng và lựa chọn nhà thầu phù hợp. - Bước 6: Ký kết hợp đồng.

CHƯƠNG II: TÀI LIỆU KHÁC

(Kèm theo hồ sơ mời chào giá)

Bao gồm:

- Nhiệm vụ Thiết kế;
- Dự thảo Hợp đồng;
- Cam kết chính trực và bảo mật thông tin đấu thầu.



NAM CUONG
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI



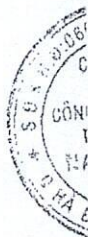
NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ MẪU BIỆT THỰ LÔ K08-L10, K08-L11

LÔ EK- KHU A – ĐTM DƯƠNG NỘI

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG DƯƠNG NỘI – QUẬN HÀ ĐÔNG – HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

HÀ NỘI - 01/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

-----❖-----

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

THIẾT KẾ MẪU BIỆT THỰ LÔ K08-L10, K08-L11

LÔ EK- KHU A – ĐTM DƯƠNG NỘI

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG DƯƠNG NỘI – QUẬN HÀ ĐÔNG – HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

BAN LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN

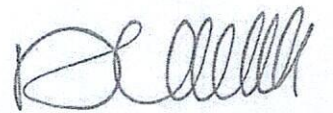


GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Vinh

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2024

BAN QUẢN LÝ THIẾT KẾ


Hoàng Anh Dũng

MỤC LỤC

1.	CĂN CỨ PHÁP LÝ.....
2.	THÔNG TIN CHUNG
2.1.	Tên dự án và địa điểm xây dựng.....
2.2.	Các chỉ tiêu quy định đối với khu vực thiết kế.....
2.3.	Thông kê phân loại mẫu biệt thự:.....
3.	CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH, CẢNH QUAN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH.....
3.1.	Yêu cầu chung
3.2.	Yêu cầu về quy hoạch
3.3.	Yêu cầu về kiến trúc.....
3.4.	Giải pháp kỹ thuật.....
3.4.1.	Kết cấu công trình:.....
3.4.2.	Hệ thống điều hòa
3.4.3.	Hệ thống cấp thoát nước.....
3.4.4.	Cấp điện và chiếu sáng.....
3.4.5.	Tổ chức giao thông.....
4.	CÁC VẤN ĐỀ KHÁC
5.	KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:.....
6.	KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THẨM TRA BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:.....

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 02/07/2008 của UBND tỉnh Hà Tây V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Dương Nội, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây;
- Căn cứ văn bản số 1047/BXD-HĐXD ngày 28/06/2012 của Bộ xây dựng góp ý về TKCS nhà ở TT DN;
- Căn cứ theo kế hoạch đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Tập đoàn Nam Cường Hà Nội.

2. THÔNG TIN CHUNG

2.1. Tên dự án và địa điểm xây dựng

- Tên công trình: MẪU BIỆT THỰ SONG LẬP LÔ K08-L10, K08-L11
- Địa điểm xây dựng: Lô E, K các căn giáp đường lớn - Khu A - KĐT Dương Nội.

2.2. Các chỉ tiêu quy định đối với khu vực thiết kế

- Chức năng: Biệt thự song lập.

Bảng 1: Các chỉ tiêu kỹ thuật lô đất K08-L10, K08-L11

Chỉ tiêu sử dụng đất	Đơn vị
Diện tích lô đất	183 m ²
Hệ số sử dụng đất	1,8 (lần)
Mật độ xây tối đa	60 (%)
Tầng cao tối đa	03 (tầng)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng (nhà ở), cấp III (theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 04-1: 2015/BXD). TCVN 9411: 2012
- Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng: Sử dụng các tiêu chuẩn thiết kế của Việt Nam hoặc các tiêu chuẩn thiết kế của nước ngoài được phép áp dụng nếu tiêu chuẩn Việt Nam chưa quy định.

2.3. Thông kê mẫu biệt thự thiết kế mới cho lô K08-L10, K08-L11:

TT	TÊN MẪU	VỊ TRÍ LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	GHI CHÚ
	LÔ GÓC			
1	E4-45	K08 - L10 K08-L11	183	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN

3. CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH, CẢNH QUAN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

3.1. Yêu cầu chung

- Dựa theo phong cách kiến trúc và hồ sơ thiết kế các mẫu biệt thự toàn khu đã thiết kế, thi công, tư vấn lên phương án thiết kế đảm bảo đồng bộ phong cách kiến trúc mặt ngoài và các không gian chức năng trong nhà
- Tư vấn hoàn thiện phối cảnh công trình, mặt bằng công năng các tầng cho chủ đầu tư phê duyệt trước khi triển khai hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.
- Tư vấn phải cung cấp hồ sơ thiết kế dạng file 2D, 3D, tính toán kết cấu Etab, bảng tính có thể chỉnh sửa được cho Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng thiết kế nếu có yêu cầu.

3.2. Yêu cầu về quy hoạch

- Mật độ xây dựng tuân thủ theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.
- Có thể bố trí thêm sân trồng, giếng trời, mái lấy sáng và lỗ thoáng trên khối cầu thang để chiếu sáng và thông gió.
- Vị trí các mẫu biệt thự phải tuân thủ theo bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan được phê duyệt.
- Nhà ở biệt thự phải tuân theo chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ.
- Khoảng lùi phía trước: 03m; Khoảng lùi phía sau: 02m.
- Khoảng cách giữa mặt bên 02 nhà tối thiểu là 03m (tính từ mép tường ngoài chái nhà).
- Cao độ sân trước phải cao hơn cao độ vỉa hè tối thiểu là +150mm.
- Chiều cao tầng một (Tầng trệt) không nhỏ hơn 3,6 m.
- Nghiên cứu thiết kế vị trí xây dựng bể nước ngầm, bể tự hoại, đường ống cấp thoát nước, cấp điện... phù hợp với quy hoạch hạ tầng toàn khu.

3.3. Yêu cầu về kiến trúc

- Phối cảnh mặt ngoài công trình tương đồng với phong cách các mẫu BT đã thiết kế, thi công.
- Bố trí tầng hầm, công năng các tầng tương tự các căn BT đã thi công
- Dựa theo hồ sơ thiết kế thi công gốc đã có để tham khảo, tư vấn điều chỉnh chiều cao tầng áp mái để đảm bảo chiều cao theo thông tư 06/2021-BXD. Và cập nhật thay đổi thiết kế cho bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, các chi tiết cấu tạo và phối cảnh công trình.
- Thể hiện hồ sơ Thiết kế bảo đảm chất lượng, đầy đủ thông tin theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn Pháp luật hiện hành

3.4. Giải pháp kỹ thuật

3.4.1. Kết cấu công trình:

- Sử dụng kết cấu BTCT đổ tại chỗ, đảm bảo an toàn, bền vững, thuận tiện cho thi công đại trà, đáp ứng yêu cầu về tổ chức không gian và thẩm mỹ kiến trúc.
- Phương án thiết kế móng căn cứ theo số liệu địa chất và tải trọng công trình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và thuận tiện trong thi công.

- Các vật liệu sử dụng thân thiện với môi trường.
- Thể hiện hồ sơ Thiết kế bảo đảm chất lượng, đầy đủ thông tin theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn Pháp luật hiện hành

3.4.2. Hệ thống điều hòa

- Sử dụng điều hòa cục bộ hoặc điều hòa trung tâm (VRV của Daikin hoặc tương đương). Bố trí hợp lý để không ảnh hưởng đến kiến trúc mặt đứng, có giải pháp che giấu đường ống bảo ôn, giải pháp thoát nước ngưng. Có tính đến đường ống kỹ thuật trong trường hợp sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm.

3.4.3. Hệ thống cấp thoát nước

- Có giải pháp cấp thoát nước hợp lý, tiết kiệm và không ảnh hưởng đến thẩm mỹ chung.
- Có phương án đấu nối với hệ thống cấp thoát nước chung.
- Hệ thống thoát nước mái phải được bố trí hợp lý, không làm ảnh hưởng tới kiến trúc mặt ngoài công trình.
- Bố trí các vị trí hộp kỹ thuật cấp thoát nước hợp lý.
- Nghiên cứu phương án xử lý nước tái sử dụng.
- Thể hiện hồ sơ Thiết kế bảo đảm chất lượng, đầy đủ thông tin theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn Pháp luật hiện hành

3.4.4. Cấp điện và chiếu sáng

- Có giải pháp cấp thoát nước hợp lý, tiết kiệm. Hệ thống dây điện đi âm tường, trần để không ảnh hưởng đến thẩm mỹ chung.
- Có phương án đấu nối với hệ thống cấp điện chung.
- Bố trí các vị trí hộp kỹ thuật cấp điện hợp lý.
- Giao thông trong công trình phải thuận tiện, hợp lý. Tiếp cận công trình bằng 01 sảnh chính và 01 lối vào phụ.
- Thể hiện hồ sơ Thiết kế bảo đảm chất lượng, đầy đủ thông tin theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn Pháp luật hiện hành

4. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

- Đây là cơ sở để đơn vị tư vấn thiết kế đưa ra giải pháp thiết kế công trình. Đơn vị tư vấn thiết kế có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất bổ sung những nội dung mà trong nhiệm vụ thiết kế chưa đề cập hết nhằm đảm bảo đáp ứng cao nhất các yêu cầu sử dụng đối với công trình.

5. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN :

+ Yêu cầu về thiết kế BVTC (theo quy định pháp lý xây dựng hiện hành) :

- Số lượng mẫu biệt thự cần triển khai hồ sơ thiết kế BVTC: 1 (mẫu)

Số lượng hồ sơ BVTC của 01 mẫu: 07 (Quyển A3/mẫu)

+ Yêu cầu về thuyết minh BVTC, bảng tính, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình báo tri:

- Số lượng : 7 bộ 1 mẫu (28 quyển A4)

+ Yêu cầu về Dự toán chi tiết:

- Số lượng mẫu biệt thự cần triển khai hồ sơ Dự toán: 1 (mẫu)
- Số lượng hồ sơ Dự toán của 01 mẫu: 07 (Quyển A4/mẫu)

c. Tiến độ thực hiện: 15 (ngày)

Ghi chú: Thời gian trên không tính các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Nhà nước, thời gian phê duyệt hồ sơ của Chủ đầu tư, thời gian Chủ đầu tư chậm cung cấp tài liệu.

Nội dung trong nhiệm vụ thiết kế có thể điều chỉnh trong quá trình làm rõ thiết kế của giai đoạn chào thầu để bảo đảm chất lượng và tiến độ thiết kế.

...CI CP * /...



NAM CƯỜNG
CORPORATION

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

-----✦-----

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

ĐIỀU CHỈNH HỒ SƠ BIỆT THỰ SONG LẬP LÔ EK
(CÁC CĂN CÒN LẠI CHƯA THI CÔNG)

KHU A – ĐTM DƯƠNG NỘI

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG DƯƠNG NỘI – QUẬN HÀ ĐÔNG – HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

HÀ NỘI - 01/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI
-----❖-----

NHIỆM VỤ THIẾT KẾ

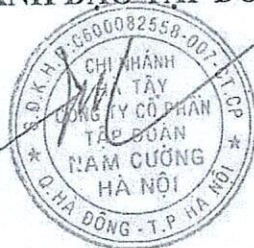
**ĐIỀU CHỈNH HỒ SƠ BIỆT THỰ SONG LẬP E, K
(CÁC CĂN CÒN LẠI CHƯA THI CÔNG)
KHU A – ĐTM DƯƠNG NỘI**

ĐỊA ĐIỂM : PHƯỜNG DƯƠNG NỘI – QUẬN HÀ ĐÔNG – HÀ NỘI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI

11
/ 30
/ H
/ H
/ A
/ 0

Hà Nội, ngày 26 tháng 1 năm 2024

BAN LÃNH ĐẠO TẬP ĐOÀN



BAN QUẢN LÝ THIẾT KẾ

Hoàng Anh Dũng

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đức Vinh

MỤC LỤC

1.	CĂN CỨ PHÁP LÝ
2.	THÔNG TIN CHUNG
2.1.	Tên dự án và địa điểm xây dựng
2.2.	Các chỉ tiêu quy định đối với khu vực thiết kế
2.3.	Thống kê phân loại mẫu biệt thự:
3.	CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH, CẢNH QUAN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH
3.1.	Yêu cầu chung
3.2.	Yêu cầu về quy hoạch
3.3.	Yêu cầu về kiến trúc
3.4.	Giải pháp kỹ thuật
3.4.1.	Kết cấu công trình:
3.4.2.	Hệ thống điều hòa
3.4.3.	Hệ thống cấp thoát nước
3.4.4.	Cấp điện và chiếu sáng
3.4.5.	Tổ chức giao thông
4.	CÁC VẤN ĐỀ KHÁC
5.	KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:
6.	KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THẨM TRA BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:

1.CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/06/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 02/07/2008 của UBND tỉnh Hà Tây V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu đô thị mới Dương Nội, thành phố Hà Đông, tỉnh Hà Tây;
- Căn cứ văn bản số 1047/BXD-HĐXD ngày 28/06/2012 của Bộ xây dựng góp ý về TKCS nhà ở TT DN;
- Căn cứ theo kế hoạch đầu tư xây dựng và các văn bản hướng dẫn thực hiện của Tập đoàn Nam Cường Hà Nội.

2.THÔNG TIN CHUNG

2.1.Tên dự án và địa điểm xây dựng

- Tên công trình: BIỆT THỰ SONG LẬP
- Địa điểm xây dựng: Lô E,K các căn giáp đường lớn - Khu A - KĐT Dương Nội.

2.2.Các chỉ tiêu quy định đối với khu vực thiết kế

- Chức năng: Biệt thự song lập.

Bảng 1: Các chỉ tiêu sử dụng đất

Chỉ tiêu sử dụng đất	Đơn vị
Diện tích đất	Theo quyết định 1955
Hệ số sử dụng đất	1,8 (lần)
Mật độ xây tối đa	60 (%)
Tầng cao tối đa	03 (tầng)

- Loại, cấp công trình: Công trình dân dụng (nhà ở), cấp III (theo Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 04-1: 2015/BXD). TCVN 9411: 2012
- Các tiêu chuẩn thiết kế áp dụng: Sử dụng các tiêu chuẩn thiết kế của Việt Nam hoặc các tiêu chuẩn thiết kế của nước ngoài được phép áp dụng nếu tiêu chuẩn Việt Nam chưa quy định.

2.3.Thống kê phân loại mẫu biệt thự thiết kế điều chỉnh:

Thống kê phân loại mẫu lô E, K (Các căn chưa làm)

TT	TÊN MẪU	VỊ TRÍ LÔ ĐẤT	DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m2)	GHI CHÚ
	LÔ GIỮA			
1	P4-1	E04 - L03	180	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
2	P4-3	E03 - L03	187	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
3	P4-4	E10 - L03	198	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN

Nhiệm vụ thiết kế điều chỉnh mẫu biệt thự các căn còn lại khu E,K- KĐT Dương Nội-Hà Nội

4	P4-5	E02 - L27	170	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
5	P4-10	K06-L16	165.6	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
	LÔ GÓC - LÔ GIỮA ĐẶC BIỆT			
6	E4-4	E02 - L33	180.86	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
7	E4-5	E03 - L10	239.89	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
8	E4-6	E03 - L11	177.74	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
9	E4-7	E03 - L12	194.91	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
10	E4-8	E04 - L06	224.63	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
11	E4-9	E04 - L19	317.23	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
12	E4-10	E05 - L07	278.52	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
13	E4-11	E05 - L21	197.8	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
14	E4-12	E10 - L08	184.32	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
15	E4-13	E10 - L24	244.16	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
16	E4-14	K03-L09	188.85	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
17	E4-15	K03-L26	254.89	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
18	E4-16	K03-L25	272.33	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
19	E4-16B	K05-L09	230.27	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
20	E4-17	K05-L08	262.95	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
21	E4-18	K05-L29	170.8	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
22	E4-19	K05-L31	210.66	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
23	E4-20	K05-L33	214.79	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
24	E4-21	K06-L11	271.03	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
25	E4-22	K06-L12	274.75	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
26	E4-23	K06-L30	184.32	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
27	E4-24	K06-L29	176.47	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
28	E4-25	K06-L28	218.39	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
29	E4-26	K06-L26	175.32	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
30	E4-32	E02 - L17	172.65	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN

31	E4-38	K06-L19	157.84	ÁP DỤNG PHƯƠNG ÁN 1B - NHẬT BẢN
----	-------	---------	--------	---------------------------------

3.CÁC YÊU CẦU VỀ QUY HOẠCH, CẢNH QUAN KIẾN TRÚC CÔNG TRÌNH

3.1.Yêu cầu chung

- Dựa theo hồ sơ thiết kế gốc đã có, tư vấn thực hiện công việc điều chỉnh thiết kế chiều cao tầng áp mái và cập nhật, chỉnh sửa các lỗi thiết kế do Chủ đầu tư cung cấp và bổ sung thêm chi tiết cấu tạo kiến trúc, kết cấu, cơ điện còn thiếu của bản vẽ gốc.
- Hồ sơ thiết kế tư vấn giao nộp cho Chủ đầu tư phải đầy đủ nội dung của hồ sơ thiết kế gốc và các nội dung thiết kế chỉnh sửa, cập nhật bổ sung.
- Tư vấn phải cung cấp hồ sơ thiết kế dạng file 2D, 3D cho Chủ đầu tư kiểm tra chất lượng thiết kế nếu có yêu cầu.
- Hồ sơ thiết kế phải bảo đảm khớp nối đồng bộ giữa các bộ môn kiến trúc, kết cấu, điện nước, đảm bảo tuân thủ tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành.

3.2.Yêu cầu về quy hoạch

- Mật độ xây dựng tuân thủ theo quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.
- Có thể bố trí thêm sân trồng, giếng trời, mái lấy sáng và lỗ thoáng trên khối cầu thang để chiếu sáng và thông gió.
- Vị trí các mẫu biệt thự phải tuân thủ theo bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan được phê duyệt.
- Nhà ở biệt thự phải tuân theo chỉ giới xây dựng và chỉ giới đường đỏ.
- Khoảng lùi phía trước: 03m; Khoảng lùi phía sau: 02m.
- Khoảng cách giữa mặt bên 02 nhà tối thiểu là 03m (tính từ mép tường ngoài chái nhà).
- Cao độ sân trước phải cao hơn cao độ vỉa hè tối thiểu là +150mm.
- Chiều cao tầng một (Tầng trệt) không nhỏ hơn 3,6 m.
- Nghiên cứu thiết kế vị trí xây dựng bể nước ngầm, bể tự hoại, đường ống cấp thoát nước, cấp điện... phù hợp với quy hoạch hạ tầng toàn khu.

3.3.Yêu cầu về kiến trúc

- Phối cảnh mặt ngoài công trình tương đồng với phong cách các mẫu BT đã thiết kế, thi công.
- Bố trí tầng hầm, công năng các tầng tương tự các căn biệt thự đã thi công
- Dựa theo hồ sơ thiết kế thi công gốc đã có, tư vấn điều chỉnh chiều cao tầng áp mái để đảm bảo chiều cao theo thông tư 06/2021-BXD. Và cập nhật thay đổi thiết kế cho bản vẽ mặt bằng, mặt đứng, các chi tiết cấu tạo và phối cảnh công trình.
- Đơn vị tư vấn rà soát, bổ sung các chi tiết thiết kế còn thiếu của hồ sơ cũ cho hồ sơ thiết kế mới và cập nhật các lỗi thiết kế do Chủ đầu tư cung cấp. Bảo đảm khớp nối kỹ thuật với bộ môn kết cấu, cơ điện.

- Bổ sung các nội dung thiết kế cập nhật vào thuyết minh thiết kế, thuyết minh tính toán, chỉ dẫn kỹ thuật.

3.4. Giải pháp kỹ thuật

3.4.1. Kết cấu công trình:

- Sử dụng kết cấu BTCT đổ tại chỗ, đảm bảo an toàn, bền vững, thuận tiện cho thi công đại trà, đáp ứng yêu cầu về tổ chức không gian và thẩm mỹ kiến trúc.
- Phương án thiết kế móng căn cứ theo số liệu địa chất và tải trọng công trình, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và thuận tiện trong thi công.
- Các vật liệu sử dụng thân thiện với môi trường.

Lưu ý:

- Rà soát, chỉnh sửa các lỗi thiết kế, bổ sung các chi tiết thiết kế còn thiếu trong hồ sơ thiết kế gốc, cập nhật cho hồ sơ thiết kế mới. Bảo đảm khớp nối kỹ thuật với các bộ môn kiến trúc, cơ điện.
- Bổ sung các nội dung thiết kế cập nhật vào thuyết minh thiết kế, thuyết minh tính toán, chỉ dẫn kỹ thuật.

3.4.2. Hệ thống điều hòa

- Sử dụng điều hòa cục bộ hoặc điều hòa trung tâm (VRV của Daikin hoặc tương đương). Bố trí hợp lý để không ảnh hưởng đến kiến trúc mặt đứng, có giải pháp che giấu đường ống bảo ôn, giải pháp thoát nước ngưng. Có tính đến đường ống kỹ thuật trong trường hợp sử dụng hệ thống điều hòa trung tâm.

Lưu ý:

- Rà soát, chỉnh sửa các lỗi thiết kế, bổ sung các chi tiết thiết kế còn thiếu trong hồ sơ thiết kế gốc, cập nhật cho hồ sơ thiết kế mới. Bảo đảm khớp nối kỹ thuật với các bộ môn kiến trúc, kết cấu.
- Bổ sung các nội dung thiết kế cập nhật vào thuyết minh thiết kế, thuyết minh tính toán, chỉ dẫn kỹ thuật.

3.4.3. Hệ thống cấp thoát nước

- Có giải pháp cấp thoát nước hợp lý, tiết kiệm và không ảnh hưởng đến thẩm mỹ chung.
- Có phương án đấu nối với hệ thống cấp thoát nước chung.
- Hệ thống thoát nước mái phải được bố trí hợp lý, không làm ảnh hưởng tới kiến trúc mặt ngoài công trình.
- Bố trí các vị trí hộp kỹ thuật cấp thoát nước hợp lý.
- Nghiên cứu phương án xử lý nước tái sử dụng.

Lưu ý:

- Rà soát, chỉnh sửa các lỗi thiết kế, bổ sung các chi tiết thiết kế còn thiếu trong hồ sơ thiết kế gốc, cập nhật cho hồ sơ thiết kế mới. Bảo đảm khớp nối kỹ thuật với các bộ môn kiến trúc, kết cấu.
- Bổ sung các nội dung thiết kế cập nhật vào thuyết minh thiết kế, thuyết minh tính toán,

chỉ dẫn kỹ thuật

3.4.4. Cấp điện và chiếu sáng

- Có giải pháp cấp thoát nước hợp lý, tiết kiệm. Hệ thống dây điện đi âm tường, trần để không ảnh hưởng đến thẩm mỹ chung.
- Có phương án đấu nối với hệ thống cấp điện chung.
- Bố trí các vị trí hộp kỹ thuật cấp điện hợp lý.

Lưu ý:

- Rà soát, chỉnh sửa các lỗi thiết kế trong hồ sơ thiết kế gốc, cập nhật cho hồ sơ thiết kế mới. Bảo đảm khớp nối kỹ thuật với các bộ môn kiến trúc, kết cấu.
- Bổ sung các nội dung thiết kế cập nhật vào thuyết minh thiết kế, thuyết minh tính toán, chỉ dẫn kỹ thuật.

3.4.5 Tổ chức giao thông

- Giao thông trong công trình phải thuận tiện, hợp lý. Tiếp cận công trình bằng 01 sảnh chính và 01 lối vào phụ.

4. CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

- Đây là cơ sở để đơn vị tư vấn thiết kế đưa ra giải pháp thiết kế công trình. Đơn vị tư vấn thiết kế có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất bổ sung những nội dung mà trong nhiệm vụ thiết kế chưa đề cập hết nhằm đảm bảo đáp ứng cao nhất các yêu cầu sử dụng đối với công trình.

5. KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC VÀ TIẾN ĐỘ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN:

+ Yêu cầu về thiết kế BVTC:

- Số lượng lô biệt thự cần triển khai hồ sơ thiết kế BVTC: 31 (mẫu)
- Số lượng hồ sơ BVTC của 01 mẫu: 07 (Quyền A3/mẫu)
- Tổng số hồ sơ BVTC cần xuất bản là: 217 (Quyền A3)

+ Yêu cầu về thuyết minh BVTC :

- Số lượng mẫu biệt thự cần triển khai thuyết minh BVTC: 31 (mẫu)
- Số lượng thuyết minh BVTC, của 01 mẫu: 07 (Quyền A4/mẫu)
- Tổng số thuyết minh BVTC cần xuất bản là: 217 (Quyền A4)

+ Yêu cầu về Dự toán chi tiết:

- Số lượng mẫu biệt thự cần triển khai hồ sơ Dự toán: 31 (mẫu)
- Số lượng hồ sơ Dự toán của 01 mẫu: 07 (Quyền A4/mẫu)
- Tổng số hồ sơ Dự toán cần xuất bản là: 217 (Quyền A4)

c. Tiến độ thực hiện: 60 (ngày)

Ghi chú: Thời gian trên không tính các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của Nhà nước, thời gian phê duyệt hồ sơ của Chủ đầu tư, thời gian Chủ đầu tư chậm cung cấp tài liệu.

Nội dung trong nhiệm vụ thiết kế có thể điều chỉnh trong quá trình làm rõ thiết kế của giai đoạn chào thầu để bảo đảm chất lượng và tiến độ thiết kế.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

Số: [Số HĐ] / [Năm] / [Dự án] / HĐTV / [Các Bên ký Hợp Đồng]

GÓI THẦU :

DỰ ÁN :

giữa

CÔNG TY

và

CÔNG TY

Hà Nội /20...

MỤC LỤC

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	3
PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG	3
ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI	4
ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG	5
ĐIỀU 3. TRAO ĐỔI THÔNG TIN.....	5
ĐIỀU 4. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG	5
ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.....	5
ĐIỀU 6. NỘI DUNG CÔNG VIỆC	6
ĐIỀU 7. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM TƯ VẤN	6
ĐIỀU 8. NGHIỆM THU SẢN PHẨM TƯ VẤN	7
ĐIỀU 9. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC	8
ĐIỀU 10. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN	9
ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU.....	12
ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ	14
ĐIỀU 13. NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ).....	15
ĐIỀU 14. NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU.....	15
ĐIỀU 15. BẢN QUYỀN VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU	15
ĐIỀU 16. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG	16
ĐIỀU 17. TẠM NGỪNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC.....	16
ĐIỀU 18. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG	17
ĐIỀU 19. THƯỞNG, PHẠT VÀ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG.....	19
ĐIỀU 20. CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ	20
ĐIỀU 21. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	21
ĐIỀU 22. ĐIỀU KHOẢN CHUNG	21

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/6/2014 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;
- Quyết định số

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được lập ngày... tháng... năm 20... giữa và bởi Hai Bên sau đây:

Một Bên là:

Đại diện Chủ đầu tư :

[Lưu ý: Đối với trường hợp Chi nhánh ký: Nếu là **Chi nhánh hạch toán độc lập** thì chỉ cần ghi thông tin của Chi nhánh và ghi thông số của Văn bản ủy quyền tại phần cuối của bảng này. Nếu là **Chi nhánh hạch toán phụ thuộc** thì cần ghi thông tin của Tập đoàn và ghi đơn vị thực hiện là Chi nhánh, vẫn ghi văn bản ủy quyền ở phần cuối bảng.]

Chủ đầu tư:

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAM CƯỜNG HÀ NỘI	
Địa chỉ trụ sở chính	: Lô 24 đường Đông A, Khu đô thị mới Hoà Vượng, xã Lộc Hoà, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
Địa chỉ liên hệ	: Tòa nhà Văn phòng Nam Cường, Km4, đường Lê Văn Lương kéo dài, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 04 63251888
Fax	: 04 63251999
MST	: 0600082558
Số tài khoản	: 8201145674567 tại ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Tây Hà Nội
Đại diện	: Ông Trần Văn Nghĩa
Chức vụ	: Tổng Giám đốc

Và Bên còn lại là:

Nhà thầu:

CÔNG TY	
Địa chỉ trụ sở chính	:
Địa chỉ liên hệ	:
Điện thoại	:
Fax	:
MST	:
Số tài khoản	:
Đại diện	:
Chức vụ	:

Chủ đầu tư và Nhà thầu, sau đây được gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên” và gọi riêng là “Bên” hoặc “Mỗi Bên”, tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên đã bàn bạc, thoả thuận và cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tư vấn này với những điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1. CÁC ĐỊNH NGHĨA VÀ DIỄN GIẢI

Trong Hợp Đồng này, các từ và cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. **Chủ đầu tư:** được hiểu là Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội.
- 1.2. **Nhà thầu:** được hiểu là
- 1.3. **Dự Án:** được hiểu là
- 1.4. **Hợp Đồng:** được hiểu là hợp đồng tư vấn này bao gồm cả các phụ lục kèm theo được ký kết bởi Các Bên và tất cả các văn bản khác được Các Bên thoả thuận tạo thành một phần của Hợp Đồng kể cả những văn bản chưa được liệt kê là tài liệu của Hợp Đồng tại thời điểm ký kết.
- 1.5. **Công Việc:** được hiểu là các công việc mà Nhà thầu có nghĩa vụ phải thực hiện theo thoả thuận tại Hợp Đồng này, các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện Hợp Đồng và các công việc khác để hoàn thiện các công việc thuộc nghĩa vụ/trách nhiệm của Nhà thầu theo quy định tại Hợp Đồng này và/hoặc quy định của pháp luật.
- 1.6. **Giá Trị Hợp Đồng:** được hiểu là số tiền nêu tại Điều 10.2 Hợp Đồng được Hai Bên thoả thuận tại thời điểm ký kết Hợp Đồng, theo đó Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu cho các Công Việc Nhà thầu thực hiện theo Hợp Đồng.
- 1.7. **Giá Trị Quyết Toán:** được hiểu là tổng số tiền mà Chủ đầu tư thanh toán cho các Công Việc Nhà thầu hoàn thành trên thực tế và được Chủ đầu tư nghiệm thu.
- 1.8. **Sản Phẩm Tư Vấn:** được hiểu là toàn bộ các kết quả Công Việc mà Nhà thầu thực hiện và chuyển giao cho Chủ đầu tư theo quy định tại Hợp Đồng này.
- 1.9. **Đại diện Chủ đầu tư:** được hiểu là người được Chủ đầu tư nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Chủ đầu tư chỉ định/ủy quyền thay mặt Chủ đầu tư thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư theo Hợp Đồng này.
- 1.10. **Đại diện Nhà thầu:** được hiểu là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp Đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định/ủy quyền thay mặt Nhà thầu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu theo Hợp Đồng này.
- 1.11. **Nhà thầu Phụ:** được hiểu là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc của Hợp Đồng này.
- 1.12. **Bên Thứ Ba:** được hiểu là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào không tham gia ký kết Hợp Đồng này.
- 1.13. **Ngày hoặc ngày:** được hiểu là ngày dương lịch và **Tháng hoặc tháng:** được hiểu là tháng dương lịch.
- 1.14. **Ngày Làm Việc:** được hiểu là ngày dương lịch, trừ Chủ Nhật và các ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định của pháp luật.
- 1.15. **Bất Khả Kháng:** được định nghĩa tại Điều 16 [Rủi ro và Bất Khả Kháng].
- 1.16. **Luật hoặc Pháp luật:** được hiểu là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.
- 1.17. **Vi phạm Hợp Đồng:** được hiểu là việc một Bên vi phạm một, một số hoặc toàn bộ nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng này. Để làm rõ, Hai Bên công nhận rằng, việc một Bên vi phạm một phần nghĩa vụ cũng bị coi là vi phạm Hợp Đồng.

ĐIỀU 2. HỒ SƠ CỦA HỢP ĐỒNG

Hồ sơ Hợp Đồng bao gồm: (i) các tài liệu làm căn cứ ký kết Hợp Đồng; (ii) Hợp Đồng này; (iii) các phụ lục của Hợp Đồng; (iv) và các văn bản, tài liệu khác có liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp Đồng được Các Bên thỏa thuận tạo thành một phần của hồ sơ Hợp Đồng.

ĐIỀU 3. TRAO ĐỔI THÔNG TIN

- 3.1. Các thông báo, chấp thuận, quyết định hoặc bất cứ việc truyền đạt thông tin nào khác do một trong Các Bên đưa ra phải được thể hiện bằng hình thức văn bản và được chuyển đến Bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc thư điện tử theo địa chỉ Các Bên đã quy định thống nhất tại phần đầu Hợp Đồng này.
- 3.2. Thông báo bằng văn bản nêu trên được coi là đã nhận theo một trong những trường hợp sau:
- Kể từ thời điểm nhận sự của bên được thông báo ký nhận trong trường hợp thông báo gửi trực tiếp; hoặc
 - Sau khi có tín hiệu báo hiệu việc truyền fax được thực hiện thành công trong trường hợp thông báo bằng fax; hoặc
 - Sau khi có xác nhận thư điện tử được gửi thành công trong trường hợp thông báo được thực hiện bằng cách gửi thư điện tử; hoặc
 - Sau 03 (ba) ngày kể từ ngày gửi thư qua đường bưu điện.
- 3.3. Bất kỳ Bên nào của Hợp Đồng này có thể thay đổi địa chỉ và người nhận thông báo bằng cách gửi thông báo đến Bên còn lại trong thời hạn 05 (năm) ngày trước ngày dự kiến thay đổi. Nếu Bên thay đổi thông tin liên lạc mà không thông báo cho Bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi thông tin mà không thông báo.
- 3.4. Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này cho đến khi Mỗi Bên hoặc Các Bên thông báo thay đổi địa chỉ nhận thông báo, bất kỳ thông báo hoặc yêu cầu nào của Một Bên cho Bên kia sẽ được gửi tới các địa chỉ tương ứng của Các Bên được quy định dưới đây:
- a) **Địa chỉ liên hệ gửi tài liệu cho Chủ đầu tư:**
Nơi nhận: Ban thiết kế - Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội
Địa chỉ: Tòa nhà Văn phòng Nam Cường, Km 4, đường Tô Hữu (trước đây là đường Lê Văn Lương kéo dài) phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.
Điện thoại: 04.63251888 Fax: 04.63250666/04.63251999
- b) **Địa chỉ liên hệ gửi tài liệu cho Nhà thầu:**
Nơi nhận:
Địa chỉ:
Điện thoại:

ĐIỀU 4. LUẬT VÀ NGÔN NGỮ SỬ DỤNG TRONG HỢP ĐỒNG

- 4.1. Hợp Đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- 4.2. Ngôn ngữ của Hợp Đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

ĐIỀU 5. CÁC BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

5.1. Bảo lãnh thực hiện Hợp Đồng

Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư một Bảo lãnh để đảm bảo thực hiện Hợp Đồng (“Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng”) có giá trị bằng 10% (mười phần trăm) Giá Trị

Hợp Đồng trong vòng 05 (năm) ngày kể từ ngày Hợp Đồng được ký kết. Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và có nội dung được Chủ đầu tư chấp thuận (theo mẫu đính kèm Hợp Đồng này). Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng có hiệu lực trong vòng ngày kể từ ngày Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng có hiệu lực hoặc cho tới khi Hai Bên ký kết Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc, tùy vào điều kiện nào đến trước. Tối thiểu 5 (năm) ngày trước ngày Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu và/hoặc Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng trong trường hợp tiến độ thực hiện Công Việc bị kéo dài. Chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng do Nhà thầu thanh toán.

5.2. Bảo lãnh tạm ứng

Nhà thầu có trách nhiệm nộp cho Chủ đầu tư một bảo lãnh để đảm bảo Nhà thầu sẽ hoàn trả cho Chủ đầu tư tiền tạm ứng ("**Bảo Lãnh Tạm Ứng**") có giá trị bằng tổng giá trị Nhà thầu đề nghị tạm ứng. Bảo Lãnh Tạm Ứng được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam và có nội dung được Chủ đầu tư chấp thuận (theo mẫu đính kèm Hợp Đồng này). Bảo Lãnh Tạm Ứng có hiệu lực trong vòng ngày kể từ ngày Bảo Lãnh Tạm Ứng có hiệu lực hoặc đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết giá trị tạm ứng, tùy vào điều kiện nào đến trước. Tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày Bảo Lãnh Tạm Ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết giá trị tạm ứng, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu và/hoặc Ngân hàng phát hành bảo lãnh gia hạn thời hạn của Bảo Lãnh Tạm Ứng. Thời hạn gia hạn Bảo Lãnh Tạm Ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Giá trị của Bảo Lãnh Tạm Ứng được gia hạn tương đương với giá trị tạm ứng còn lại mà Chủ đầu tư chưa thu hồi. Chi phí liên quan đến việc phát hành và gia hạn Bảo Lãnh Tạm Ứng do Nhà thầu thanh toán.

5.3. Bảo lãnh thanh toán

Trong vòng (.....) Ngày Làm Việc kể từ ngày, Chủ đầu tư sẽ chuyển cho Nhà thầu một bảo lãnh thanh toán ("**Bảo Lãnh Thanh Toán**") có giá trị bằng% Giá Trị Hợp Đồng để đảm bảo việc thanh toán của Chủ đầu tư. Bảo Lãnh Thanh Toán được phát hành bởi một Ngân hàng thương mại được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam. Bảo Lãnh Thanh Toán có hiệu lực trong vòng ngày kể từ ngày Bảo Lãnh Thanh Toán có hiệu lực hoặc đến khi Chủ đầu tư thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, tùy thời điểm nào đến trước. Nhà thầu có quyền yêu cầu Chủ đầu tư gia hạn thời hạn của Bảo Lãnh Thanh Toán trong trường hợp Bảo Lãnh Thanh Toán hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Hợp Đồng này mà không do lỗi của Nhà thầu. Chi phí cho việc phát hành và gia hạn Bảo Lãnh Thanh Toán này do Chủ đầu tư thanh toán.

ĐIỀU 6. NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Chủ đầu tư đồng ý giao và Nhà thầu đồng ý thực hiện, bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

.....

Chi tiết nội dung Công Việc Nhà thầu thực hiện được mô tả tại Phụ lục số 01 đính kèm Hợp Đồng này.

ĐIỀU 7. YÊU CẦU VỀ CHẤT LƯỢNG VÀ SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM TƯ VẤN

7.1. Yêu cầu về chất lượng Sản Phẩm Tư Vấn

Chất lượng Sản Phẩm Tư Vấn phải phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư và thỏa thuận trong Hợp Đồng này; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu

chuẩn áp dụng cho các Công Việc của Hợp Đồng này. Những sai sót trong Sản Phẩm Tư Vấn phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo yêu cầu của Chủ đầu tư và các thỏa thuận trong Hợp Đồng này.

7.2. Yêu cầu số lượng Sản Phẩm Tư Vấn

a) Sản Phẩm Tư Vấn gồm:

.....

b) Số lượng Sản Phẩm Tư Vấn:

Hồ sơ hoàn thiện theo văn bản thẩm tra, thẩm định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc ý kiến Chủ đầu tư: 07 bộ mỗi loại.

ĐIỀU 8. NGHIỆM THU SẢN PHẨM TƯ VẤN

8.1. Căn cứ nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn:

- a) Hợp Đồng đã được Hai Bên ký kết.
- b) Sản Phẩm Tư Vấn của Bên B.
- c) Nhiệm vụ và phương án kỹ thuật khảo sát xây dựng được duyệt (đối với tư vấn khảo sát xây dựng); Nhiệm vụ tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt (đối với tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi); Nhiệm vụ thiết kế được duyệt, thiết kế các bước trước đó đã được phê duyệt (đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng).
- d) Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho Công Việc trong Hợp Đồng.

8.2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

- a) Đại Diện Chủ đầu tư;
- b) Đại Diện Nhà thầu;

8.3. Nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn:

a) Nghiệm thu giai đoạn:

Sau khi Sản Phẩm Tư Vấn từng giai đoạn được Nhà thầu hoàn thành và bàn giao cho Chủ đầu tư, Chủ đầu tư sẽ tiến hành nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn. Thời gian để Chủ đầu tư xem xét, nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn và/hoặc thông báo yêu cầu chỉnh sửa Sản Phẩm Tư Vấn (nếu có) được thực hiện trong thời gian không quá 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được Sản Phẩm Tư Vấn từ Nhà thầu.

b) Nghiệm thu hoàn thành Công Việc:

- i. Hai Bên sẽ lập biên bản nghiệm thu hoàn thành Công Việc của Hợp Đồng ("**Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc**") khi đáp ứng các điều kiện sau:

- Nhà thầu hoàn thành toàn bộ Sản Phẩm Tư Vấn; và
- Toàn bộ Sản Phẩm Tư Vấn được thẩm tra, thẩm định bởi đơn vị có chức năng hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); và
- Toàn bộ Sản Phẩm Tư Vấn đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- ii. Trường hợp Sản Phẩm Tư Vấn do Nhà thầu thực hiện phải được thẩm định, phê duyệt bởi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc chỉ có giá trị khi đã thỏa mãn điều kiện này.

c) Nội dung biên bản nghiệm thu

Biên bản nghiệm thu phải có tối thiểu các nội dung sau: Đối tượng nghiệm thu; thành phần trực tiếp nghiệm thu; thời gian và địa điểm nghiệm thu; kết luận nghiệm thu (đạt yêu cầu hoặc không đạt yêu cầu); chữ ký, họ tên, chức vụ người tham gia nghiệm thu và đóng dấu pháp nhân của các Bên nghiệm thu.

- d) Trách nhiệm của Nhà thầu đối với những sai sót trong Sản Phẩm Tư Vấn do lỗi của Nhà thầu
- i. Bằng kinh phí của mình Nhà thầu phải hoàn thành việc chỉnh sửa sai sót trong Sản Phẩm Tư Vấn vào ngày đã nêu trong biên bản nghiệm thu. Trường hợp biên bản nghiệm thu không quy định về ngày hết hạn chỉnh sửa sai sót, Chủ đầu tư sẽ ấn định và thông báo cho Nhà thầu về ngày để hoàn thành việc chỉnh sửa các sai sót này. Thời gian Chủ đầu tư ấn định để Nhà thầu chỉnh sửa các sai sót không được hiểu là Chủ đầu tư gia hạn thời hạn hoàn thành Công Việc của Nhà thầu và cũng không được hiểu là Các Bên thỏa thuận lại thời hạn hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng. Nếu thời gian chỉnh sửa sai sót dẫn đến việc Nhà thầu chậm hoàn thành Công Việc theo quy định của Hợp Đồng thì Nhà thầu sẽ bị phạt theo quy định của Hợp Đồng.
 - ii. Nếu Nhà thầu không chỉnh sửa được các sai sót trong khoảng thời gian quy định tại Điểm (i) Điều 8.3(d), Chủ đầu tư có thể tự tiến hành Công Việc hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện theo cách thức hợp lý và Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan. Chi phí này được Nhà thầu thanh toán hoặc được khấu trừ vào giá trị thanh toán của Nhà thầu theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Nhà thầu sẽ không phải chịu trách nhiệm về công việc chỉnh sửa do Chủ đầu tư tự thực hiện hoặc thuê Bên Thứ Ba thực hiện nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tiếp tục nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng.
 - iii. Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư những thiệt hại mà Chủ đầu tư phải gánh chịu phát sinh từ những sai sót trong Sản Phẩm Tư Vấn hoặc từ việc chỉnh sửa Sản Phẩm Tư Vấn của Nhà thầu.

ĐIỀU 9. THỜI GIAN VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

9.1. Thời gian thực hiện Công Việc

- a) Nhà thầu phải hoàn thành toàn bộ Công Việc của Hợp Đồng này trong vòng (.....) ngày kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực.

Tiến độ thực hiện Công Việc chi tiết như sau:

.....

Thời gian thực hiện Công Việc là thời gian để Nhà thầu hoàn thành Sản Phẩm Tư Vấn và trình Chủ đầu tư xem xét, phê duyệt. Thời gian thực hiện Công Việc không bao gồm thời gian chờ xét duyệt, thẩm tra, thẩm định của Chủ đầu tư và/hoặc Bên Thứ Ba cũng như các trường hợp Bất Khả Kháng.

- b) Trong thời gian thực hiện Công Việc, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Công Việc thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét và trả lời bằng văn bản. Trường hợp chấp thuận gia hạn thời gian thực hiện Công Việc, Các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục Hợp Đồng. Việc gia hạn thời gian thực hiện Công Việc không được phép làm gia tăng Giá Trị Hợp Đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

9.2. Điều chỉnh thời gian thực hiện Công Việc

- a) Nhà thầu được quyền yêu cầu Chủ đầu tư điều chỉnh thời gian thực hiện Công Việc

nếu xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- i. Có sự thay đổi phạm vi Công Việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Công Việc;
 - ii. Do ảnh hưởng của Sự Kiện Bất Khả Kháng;
 - iii. Các nguyên nhân gây chậm trễ do Chủ đầu tư và/hoặc các Nhà thầu khác của Chủ đầu tư, trừ trường hợp do lỗi của Nhà thầu;
 - iv. Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng và/hoặc được Chủ đầu tư chấp thuận.
- b) Việc điều chỉnh thời gian thực hiện Công Việc chỉ được thực hiện khi có sự thống nhất bằng văn bản giữa Hai Bên.

ĐIỀU 10. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

10.1. Hình thức Hợp Đồng: Hợp Đồng trọn gói.

10.2. Giá Trị Hợp Đồng:

- a) Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm thuế GTGT 10% là: VNĐ (*Bằng chữ:.....*).
- Chi tiết Giá Trị Hợp Đồng như sau (hoặc được mô tả tại Phụ lục số 01 đính kèm Hợp Đồng này).
- b) Nội dung của Giá Trị Hợp Đồng:
- i. Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm các chi phí sau:
 - Thuế giá trị gia tăng theo quy định pháp luật hiện hành, thu nhập chịu thuế tính trước.
 - Chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công, chi phí chung, chi phí lán trại, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp.
 - Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh Sản Phẩm Tư Vấn sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí đi thực địa.
 - Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
 - Chi phí giám sát tác giả.
 - Chi phí khác có liên quan để Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng.
 - ii. Giá Trị Hợp Đồng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.
 - Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt Sản Phẩm Tư Vấn.
 - iii. Chi phí phát sinh (nếu có): Các khoản chi phí phát sinh ngoài Giá Trị Hợp Đồng này, Nhà thầu chỉ được thanh toán nếu được sự chấp thuận bằng văn bản của Chủ đầu tư trước khi thực hiện.
- c) Điều chỉnh Giá Trị Hợp Đồng
- Giá Trị Hợp Đồng được điều chỉnh trong trường hợp sau:
- i. Do thay đổi (tăng hoặc giảm) phạm vi và khối lượng Công Việc của Hợp Đồng được Hai Bên thống nhất bằng văn bản.

- ii. Do các trường hợp Bất Khả Kháng.
 - iii. Các trường hợp khác được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.
- d) Đơn giá Hợp Đồng
- i. Đơn giá những Công Việc của Hợp Đồng (“**Đơn Giá**”) là cố định trong suốt quá trình thực hiện Hợp Đồng. Đơn Giá sẽ không thay đổi theo bất kỳ sự trượt giá nào về Vật Tư hay nhân công, tỷ giá hay sự thay đổi về chính sách thuế của nhà nước. Đơn Giá đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan để Nhà thầu hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng;
 - ii. Đơn Giá được áp dụng cho các Công Việc phát sinh có tính chất tương tự. Đơn giá cho những Công Việc phát sinh khác sẽ do Hai Bên thỏa thuận căn cứ trên cách tính của Đơn Giá và quy định của pháp luật hiện hành. Nếu trong Hợp Đồng không có mức giá nào áp dụng được cho Công Việc thay đổi/bổ sung thì Nhà thầu sẽ đệ trình mức giá cho các Công Việc thay đổi/bổ sung. Chủ đầu tư sẽ xem xét, kiểm tra và thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu việc chấp thuận (nếu Chủ đầu tư chấp thuận).

10.3. Tạm ứng

- a) Chủ đầu tư sẽ tạm ứng cho Nhà thầu một khoản tiền tương đương với 30% Giá Trị Hợp Đồng trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ ngày Nhà thầu đã nộp đủ hồ sơ tạm ứng theo quy định tại điểm b dưới đây cho Chủ đầu tư.

Trong mọi trường hợp, nếu Nhà thầu nộp hồ sơ tạm ứng muộn hơn Đợt thanh toán đầu tiên theo Hợp Đồng này thì Nhà thầu sẽ không được tạm ứng.

- b) Hồ sơ tạm ứng bao gồm:
- Giấy đề nghị tạm ứng của Nhà thầu: bản gốc;
 - Bảo Lãnh Tạm Ứng: bản gốc;
 - Bảo Lãnh Thực Hiện Hợp Đồng: bản gốc;

- c) Thu hồi tạm ứng

Chủ đầu tư sẽ tiến hành việc thu hồi tiền tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên và sẽ thu hồi hết toàn bộ tiền tạm ứng trước khi tổng giá trị Nhà thầu hoàn thành đạt 80% (*tám mươi phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng. Giá trị thu hồi tiền tạm ứng mỗi lần thanh toán bằng 30% (*ba mươi phần trăm*) giá trị Công Việc Nhà thầu hoàn thành của lần thanh toán đó.

10.4. Thanh toán

- a) Điều kiện và thời hạn thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc sau khi Nhà thầu đáp ứng đúng và đủ các điều kiện sau:

- Nhà thầu phải hoàn thành Sản Phẩm Tư Vấn giai đoạn và được Chủ đầu tư nghiệm thu; và
- Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định tại Điều 10.4.b dưới đây

- b) Hồ sơ thanh toán gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán của Nhà thầu.

- Biên bản giao nhận Sản Phẩm Tư Vấn tương ứng với giai đoạn thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư.
 - Biên bản nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn có xác nhận của Chủ đầu tư.
 - Bảng tính giá trị khối lượng công việc phát sinh có xác nhận của Chủ đầu tư (nếu có).
 - Bảng tính giá trị thanh toán có xác nhận của Chủ đầu tư.
 - Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính tương ứng với giá trị thanh toán (đã bao gồm giá trị được tạm ứng).
- Số lượng hồ sơ thanh toán: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Tỷ lệ thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu (đã bao gồm giá trị thu hồi tạm ứng theo quy định tại Điều 10.3(c) Hợp Đồng).

10.5. Quyết toán

a) Điều kiện và thời hạn quyết toán:

Chủ đầu tư sẽ quyết toán cho Nhà thầu trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau khi Nhà thầu đáp ứng đúng và đủ các điều kiện sau:

- Nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ các Công Việc theo Hợp Đồng này (trừ nghĩa vụ giám sát tác giả) và Hai Bên ký Biên Bản Nghiệm Thu Công Việc Hoàn Thành; và
- Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư bộ hồ sơ quyết toán hợp lệ theo quy định tại Điều 10.5(b) dưới đây.

b) Hồ sơ quyết toán:

- Giấy đề nghị quyết toán của Nhà thầu;
- Biên bản giao nhận toàn bộ Sản Phẩm Tư Vấn có xác nhận của Chủ đầu tư;
- Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc có xác nhận của Hai Bên;
- Bảng tính giá trị khối lượng công việc phát sinh có xác nhận của Chủ đầu tư (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán Hợp Đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu có xác nhận của Chủ đầu tư.
- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính tương ứng với Giá Trị Quyết Toán và trừ đi giá trị đã xuất hóa đơn tại các lần thanh toán trước đó và giá trị giám sát tác giả.

Số lượng hồ sơ quyết toán: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Tỷ lệ thanh toán tiền quyết toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 100% Giá Trị Quyết Toán và trừ đi các khoản tiền sau: tiền đã tạm ứng, tiền đã thanh toán, tiền giám sát tác giả. Trong mọi trường hợp Giá Trị Quyết Toán không vượt quá Giá Trị Hợp Đồng, trừ trường hợp quy định tại Điều 10.2(c) Hợp Đồng.

10.6. Kiểm tra và chỉnh sửa hồ sơ thanh toán, quyết toán

- a) Chủ đầu tư có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ thanh toán, quyết toán cho Nhà thầu. Thời hạn kiểm tra hồ sơ thanh toán là 07 (bảy) Ngày Làm Việc và thời hạn kiểm tra hồ sơ quyết toán là 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán, quyết toán của Nhà thầu. Nếu có yêu cầu chỉnh sửa/bổ sung,

Chủ đầu tư có trách nhiệm thống kê tất cả các nội dung chỉnh sửa/bổ sung và thông báo cho Nhà thầu bằng văn bản một lần duy nhất, trong đó nêu rõ lý do và nội dung yêu cầu chỉnh sửa/bổ sung.

- b) Trường hợp Hai Bên có thỏa thuận khác, nếu yêu cầu của Chủ đầu tư là đúng quy định của Pháp luật và Hợp Đồng này, Nhà thầu có trách nhiệm chỉnh sửa và bổ sung hồ sơ thanh toán, quyết toán theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Sau khi Nhà thầu đã thực hiện chỉnh sửa hồ sơ theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có trách nhiệm xác nhận hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp lệ cho Nhà thầu. Trường hợp Nhà thầu không thực hiện chỉnh sửa hồ sơ theo đúng yêu cầu của Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có quyền từ chối thanh toán, quyết toán cho Nhà thầu cho đến khi Nhà thầu hoàn thiện hồ sơ thanh toán, quyết toán.

10.7. Thanh toán chi phí giám sát tác giả

Hai Bên thống nhất rằng, Chủ đầu tư sẽ giữ lại một khoản tiền bằng 10% (mười phần trăm) Giá Trị Quyết Toán để đảm bảo nghĩa vụ giám sát tác giả của Nhà thầu kể từ ngày Hai Bên ký vào Biên Bản Nghiệm Thu Hoàn Thành Công Việc cho đến khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ giám sát tác giả theo quy định của Hợp Đồng và quy định pháp luật. Trong vòng 07 (bảy) Ngày Làm Việc sau khi Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ giám sát tác giả và Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Nhà thầu, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu toàn bộ tiền giám sát tác giả và trừ đi tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm Hợp Đồng và các khoản tiền khác mà Nhà thầu phải thanh toán hoặc hoàn trả theo quy định của Hợp Đồng này (nếu có) phát sinh trong quá trình giám sát tác giả.

Hồ sơ thanh toán tiền giám sát tác giả gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán tiền giám sát tác giả của Nhà thầu.
- Biên bản xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành nghĩa vụ giám sát tác giả có xác nhận của Chủ đầu tư;
- Bảng tính giá trị thanh toán tiền giám sát tác giả có xác nhận của Chủ đầu tư.
- Hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của Bộ Tài chính tương ứng với giá trị giám sát tác giả.

Số lượng hồ sơ thanh toán: Theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

10.8. Hình thức thanh toán và Đồng tiền thanh toán:

- a) Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.
- b) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản và tài khoản của Nhà thầu nêu tại phần đầu Hợp Đồng này.

10.9. Biểu mẫu tài liệu, chứng từ trong hồ sơ nghiệm thu, tạm ứng, thanh toán, quyết toán: Theo quy định của Chủ đầu tư.

ĐIỀU 11. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ THẦU

11.1. Quyền của Nhà thầu:

- a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng này.
- b) Đề xuất các Công Việc chưa được Chủ đầu tư đưa vào phạm vi Công Việc đã thống nhất hoặc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng Sản Phẩm Tư Vấn.
- c) Từ chối thực hiện Công Việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp Đồng và những yêu cầu trái quy chuẩn tiêu chuẩn, trái pháp luật của Chủ đầu tư.

- d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với Sản Phẩm Tư Vấn có quyền tác giả).
- e) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- f) Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

11.2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

- a) Hoàn thành Công Việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- b) Thực hiện giám sát tác giả theo quy định pháp luật hiện hành.
- c) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, trả lời các nội dung có liên quan đến Sản Phẩm Tư Vấn theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
- d) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo Hợp Đồng sau khi hoàn thành Công Việc (nếu có).
- e) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành Công Việc.
- f) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho Công Việc của Hợp Đồng:
 - i. Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, Giá Trị Hợp Đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo Hợp Đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện Công Việc của Hợp Đồng.
 - ii. Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu để hoàn thành Công Việc theo Hợp Đồng thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm.
- g) Thực hiện Công Việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho Hợp Đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu Phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và của Nhà thầu Phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.
- h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp Đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến Công Việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các Công Việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.
- i) Có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của Công Việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.
- j) Sản Phẩm Tư Vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu Phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng này.
- k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các Công Việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu của Chủ đầu tư trong suốt thời gian thực hiện Hợp Đồng.
- l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của Hợp Đồng.
- m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

- n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung Hợp Đồng.
- o) Phải giữ bí mật thông tin liên quan đến Hợp Đồng theo quy định pháp luật liên quan đến bảo mật thông tin. Mọi trường hợp Nhà thầu công bố thông tin về việc hợp tác với Chủ đầu tư theo Hợp Đồng này và/hoặc các thỏa thuận khác giữa Hai Bên trên các tài liệu, website của Nhà thầu hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác đều phải được sự đồng ý trước bằng văn bản của Chủ đầu tư.
- p) Tất cả Sản Phẩm Tư Vấn cuối cùng khi bàn giao cho Chủ đầu tư phải phù hợp với Hợp Đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Chủ đầu tư nghiệm thu. Sản Phẩm Tư Vấn giao nộp cuối cùng theo Hợp Đồng sẽ là tài sản của Chủ đầu tư.
- q) Phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.
- r) Phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định hiện hành.
- s) Trả lời bằng văn bản các đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, đề nghị của Chủ đầu tư. Nếu trong khoảng thời gian này Nhà thầu không có ý kiến thì coi như Nhà thầu đã chấp nhận đề nghị hay yêu cầu của Chủ đầu tư.
- t) Không được phép chuyển nhượng, chuyển giao, giao thầu lại một phần hoặc toàn bộ Công Việc trong Hợp Đồng này cho Bên Thứ Ba dưới bất kỳ hình thức nào trừ trường hợp được sự đồng ý bằng văn bản và được ký bởi người có thẩm quyền của Chủ đầu tư.
- u) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 12. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ ĐẦU TƯ

12.1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Sở hữu và sử dụng Sản Phẩm Tư Vấn.
- b) Từ chối nghiệm thu Sản Phẩm Tư Vấn không đạt chất lượng theo Hợp Đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng Công Việc của Nhà thầu nếu thấy cần thiết nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung Sản Phẩm Tư Vấn không đạt yêu cầu chất lượng theo quy định của Hợp Đồng.
- e) Các quyền khác theo quy định của Hợp Đồng và quy định pháp luật.

12.2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp kịp thời tất cả các tài liệu, số liệu liên quan để làm cơ sở thực hiện Công Việc của Nhà thầu theo Hợp Đồng. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với Sản Phẩm Tư Vấn có quyền tác giả theo Hợp Đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện Hợp Đồng đúng thời hạn do Các Bên thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- d) Thanh toán cho Nhà thầu đầy đủ và đúng hạn theo thỏa thuận trong Hợp Đồng.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu.
- f) Tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện Công Việc.
- g) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Nhà thầu liên quan đến thực hiện Công Việc và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện Công Việc của Nhà thầu.

h) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

ĐIỀU 13. NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

- 13.1. Đối với Nhà thầu Phụ chưa có danh sách trong Hợp Đồng, Nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu Phụ cũng như phạm vi Công Việc mà Nhà thầu Phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận trước khi ký hợp đồng thầu phụ.
- 13.2. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà thầu Phụ.
- 13.3. Nhà thầu cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà thầu Phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

ĐIỀU 14. NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

- 14.1. Nhân lực của Nhà thầu phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực về xây dựng được qui định.
- 14.2. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 14.3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp Đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.
- 14.4. Nhà thầu có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng Giá Trị Hợp Đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.
- 14.5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng Công Việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được Chủ đầu tư thanh toán theo phụ lục phát sinh giá trị.
- 14.6. Nhà thầu tổ chức thực hiện Công Việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (Giá Trị Hợp Đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

ĐIỀU 15. BẢN QUYỀN VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU

- 15.1. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu có được từ việc thực hiện Công Việc của Nhà thầu theo Hợp Đồng này để phục vụ các công việc của Chủ đầu tư mà không cần phải xin phép Nhà thầu.
- 15.2. Nhà thầu phải cam kết rằng Sản Phẩm Tư Vấn do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc Bên Thứ Ba nào.
- 15.3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại Sản Phẩm Tư Vấn theo Hợp Đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá

nhân hay Bên Thứ Ba nào khác.

15.4. Nhà thầu cam kết thực hiện bảo mật thông tin Sản Phẩm Tư Vấn qua việc:

- a) Không công bố, cung cấp cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào khác về Sản Phẩm Tư Vấn và các thông tin về Sản Phẩm Tư Vấn trong toàn bộ khoảng thời gian trước và sau khi bàn giao Sản Phẩm Tư Vấn cho Chủ đầu tư.
- b) Sau khi bàn giao Sản Phẩm Tư Vấn cho Chủ đầu tư, Nhà thầu không được phép sao chép, sử dụng Sản Phẩm Tư Vấn cho mục đích khác hoặc công trình kiến trúc khác hoặc Chủ đầu tư khác.

ĐIỀU 16. RỦI RO VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

16.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp Đồng. Các Bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro, lập kế hoạch quản lý rủi ro, các phương án quản lý rủi ro của mình.

16.2. Bất Khả Kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh.

- a) Bất Khả Kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một Bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một Bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp Đồng và tránh (hoặc khắc phục) trong quá trình thực hiện Hợp Đồng.
- b) Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp Đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện Bất Khả Kháng với điều kiện Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng đã thực hiện các biện pháp đề phòng theo nội dung của Hợp Đồng này.

16.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng Bất Khả Kháng:

- a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp Đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho Bên kia biết sự kiện Bất Khả Kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 07 ngày sau khi sự kiện Bất Khả Kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.
- b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện Bất Khả Kháng gây ra.
- c) Trong trường hợp xảy ra Bất Khả Kháng, Các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện Hợp Đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện Bất Khả Kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng của mình.
- d) Khi trường hợp Bất Khả Kháng xảy ra, thì không áp dụng đối với nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ Bên nào cho Bên kia theo Hợp Đồng.
- e) Nếu trường hợp Bất Khả Kháng xảy ra quá 28 (Hai mươi tám) ngày liên tục mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc Các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt Hợp Đồng tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt Hợp Đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực vào ngày thứ 05 kể từ ngày thông báo được gửi đi.

ĐIỀU 17. TẠM NGỪNG THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

17.1. Quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc của Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đúng, không đủ nghĩa vụ theo Hợp Đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần Công Việc của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu và yêu cầu

Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý (do Chủ đầu tư ấn định), đồng thời Nhà thầu phải bồi thường mọi thiệt hại phát sinh cho Chủ đầu tư do tạm ngừng Công Việc.

17.2. Quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc của Nhà thầu

- a) Nếu Chủ đầu tư chậm thanh toán cho Nhà thầu vượt quá 20 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo Hợp Đồng thì Nhà thầu có quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc theo quy định sau:
- Nhà thầu gửi thông báo bằng văn bản yêu cầu Chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong vòng 05 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được thông báo;
 - Quá thời hạn 05 ngày nêu trên, nếu Chủ đầu tư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của mình mà không có lý do chính đáng và phản hồi bằng văn bản cho Nhà thầu thì Nhà thầu có quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc.
- b) Trong trường hợp Nhà thầu đã áp dụng quyền tạm ngừng thực hiện Công Việc của mình theo quy định nêu trên nhưng sau đó Chủ đầu tư thanh toán theo quy định trong Hợp Đồng thì Nhà thầu phải có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp Đồng trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được tiền thanh toán của Chủ đầu tư. Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tiền thanh toán nếu Nhà thầu không tiếp tục thực hiện Công Việc thì Nhà thầu sẽ bị coi là vi phạm tiến độ thực hiện Hợp Đồng và sẽ bị phạt theo quy định tại Hợp Đồng này.

17.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện Công Việc thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản ít nhất 07 (bảy) ngày trước ngày dự kiến tạm ngừng Công Việc, trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng Công Việc. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp Đồng.

ĐIỀU 18. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

18.1. Các trường hợp đơn phương chấm dứt việc thực hiện Hợp Đồng:

- a) Chủ đầu tư sẽ được quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng nếu Nhà thầu vi phạm một, một số hoặc tất cả các lỗi sau đây:
- Sau khi nhận được thông báo tạm dừng Công Việc theo quy định tại Điều 17.1 từ Chủ đầu tư mà Nhà thầu không hoàn thành việc khắc phục vi phạm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận thông báo của Chủ đầu tư hoặc trong thời hạn ghi trong thông báo tạm dừng của Chủ đầu tư.
 - Nhà thầu bỏ dở hoặc thể hiện rõ ý định không tiếp tục thực hiện Hợp Đồng [bao gồm cả nghĩa vụ Giám sát tác giả theo quy định tại Hợp Đồng này (nếu có)]. Căn cứ để xác định Nhà thầu bỏ dở Công Việc thông qua việc Chủ đầu tư đã thông báo nhắc nhở Nhà thầu đến lần thứ hai nhưng Nhà thầu không trả lời Chủ đầu tư hoặc vẫn không tiếp tục thực hiện Công Việc theo Hợp Đồng.
 - Chuyển nhượng Hợp Đồng hoặc giao cho tổ chức/cá nhân khác thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công Việc trong Hợp Đồng này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ đầu tư.
 - Nhà thầu kéo dài thời gian thực hiện Hợp Đồng quá 20 ngày mà không có lý do chính đáng (lý do chính đáng được hiểu là được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản).
 - Nhà thầu trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.
 - Sản Phẩm Tư Vấn không đạt yêu cầu theo quy định của Hợp Đồng sau 02 (hai)

lần chỉnh sửa.

- vii. Nhà thầu vi phạm Hợp Đồng và mức phạt vi phạm đến 12% giá trị Hợp Đồng. Để làm rõ, Chủ đầu tư có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này vào thời điểm phù hợp mà không phụ thuộc vào việc Nhà thầu đã thanh toán đủ số tiền phạt vi phạm 12% (mười hai phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho Chủ đầu tư hay chưa.
 - viii. Khi Nhà thầu vi phạm bất kì nghĩa vụ nào khác (ngoài các trường hợp đơn phương chấm dứt Hợp Đồng của Chủ đầu tư nêu tại Hợp Đồng này), và Chủ đầu tư đã gửi thông báo nhắc nhở đến lần thứ ba mà Nhà thầu không khắc phục đúng, đủ theo yêu cầu của Chủ đầu tư
 - ix. Nhà thầu đơn phương chấm dứt việc thực hiện Hợp Đồng trái pháp luật hoặc trái các quy định tại Hợp Đồng này.
 - x. Nhà thầu không nộp Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng đúng thời hạn và đảm bảo các nội dung như quy định tại Hợp đồng này.
- b) Nhà thầu có quyền đơn phương chấm dứt việc thực hiện Hợp Đồng trong các trường hợp sau đây:
- i. Quá 45 ngày kể từ ngày Nhà thầu nộp Sản Phẩm Tư Vấn cho Chủ đầu tư nhưng Chủ đầu tư không nghiệm thu mà không chỉ rõ cụ thể hoặc không chỉ ra được lỗi của Nhà thầu.
 - ii. Chủ đầu tư chậm thanh toán quá 45 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán theo quy định của Hợp Đồng.

18.2. Những trường hợp nêu tại Điều 18.1 Hợp Đồng, Bên bị vi phạm có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng bằng cách gửi thông báo cho Bên vi phạm. Thông báo về việc chấm dứt Hợp Đồng phải được gửi tới bên còn lại tối thiểu là 15 (mười lăm) ngày trước khi chấm dứt Hợp Đồng. Hợp Đồng sẽ được coi là chấm dứt sau khi hết hạn thông báo đó.

18.3. Chấm dứt Hợp Đồng

Hợp Đồng sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- a) Khi Hai Bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt Hợp Đồng.
- b) Khi một trong Hai Bên bị phá sản, giải thể theo quy định pháp luật hiện hành.
- c) Khi một trong Hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng theo quy định tại Điều 18.1 của Hợp Đồng.
- d) Do Sự kiện Bất Khả Kháng kéo dài quá 28 (hai mươi tám) ngày dẫn đến Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất Khả Kháng không thể thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này.
- e) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp Đồng này và quy định pháp luật.

18.4. Hậu quả của việc chấm dứt Hợp Đồng

- a) Sau khi chấm dứt Hợp Đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp Công Việc. Chủ đầu tư và các Nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.
- b) Khi một trong Hai Bên chấm dứt Hợp Đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt Hợp Đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc Công Việc một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.
- c) Bàn giao sản phẩm khi chấm dứt Hợp Đồng

- i. Khi chấm dứt Hợp Đồng, Nhà thầu phải chuyển giao cho Chủ đầu tư toàn bộ các thông tin, tài liệu, hồ sơ, sản phẩm liên quan đến việc thực hiện Công Việc đã có được (bao gồm cả các công việc do Nhà thầu Phụ thực hiện) tính đến thời điểm chấm dứt Hợp Đồng với số lượng do Chủ đầu tư quy định và bằng các phương thức sau đây: i) in ra giấy. ii) in lưu trữ ra đĩa CD file trên phần mềm thực hiện Công Việc.
 - ii. Nhà thầu bảo đảm rằng các tài liệu, hồ sơ và sản phẩm liên quan đến việc thực hiện Công Việc (kể cả do Nhà thầu Phụ thực hiện) bàn giao cho Chủ đầu tư sẽ được Nhà thầu (người có thẩm quyền và/hoặc người có năng lực chuyên môn bao gồm người đại diện theo pháp luật, các kiến trúc sư...) ký xác nhận và đóng dấu khi Nhà thầu giao cho Chủ đầu tư. Các Bên sẽ tiến hành lập biên bản ghi nhận việc bàn giao tài liệu, hồ sơ, sản phẩm.
 - iii. Chủ đầu tư có toàn quyền sử dụng, công bố các thông tin, tài liệu, hồ sơ, sản phẩm từ việc thực hiện Công Việc của Nhà thầu hoặc Nhà thầu Phụ và giao cho bất kỳ Bên Thứ Ba nào sử dụng thông tin, tài liệu, hồ sơ, sản phẩm và thực hiện Công Việc.
- d) Thanh toán khi chấm dứt Hợp Đồng:
- Ngay khi chấm dứt Hợp Đồng và Nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ nêu tại Điều 18.4(c) và các nghĩa vụ khác của Hợp Đồng, Chủ đầu tư sẽ xác định phần Công Việc mà Nhà thầu đã hoàn thành để thanh toán cho Nhà thầu và trừ đi các khoản tiền sau: các khoản tiền đã tạm ứng, khoản tiền đã thanh toán, khoản nợ, phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Chủ đầu tư phải gánh chịu do lỗi của Nhà thầu, các khoản bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm Hợp Đồng và các khoản phải thanh toán hoặc hoàn trả khác thuộc về nghĩa vụ của Nhà thầu. Chủ đầu tư có quyền từ chối thanh toán trong các trường hợp Nhà thầu đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp Đồng không đúng thoả thuận tại Hợp Đồng này hoặc trái pháp luật.
- e) Khi chấm dứt Hợp Đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của Các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.
- 18.5. Sự lựa chọn của Chủ đầu tư trong việc quyết định chấm dứt Hợp Đồng sẽ không được làm ảnh hưởng đến các quyền lợi khác của Chủ đầu tư theo Hợp Đồng.
- 18.6. Trong mọi trường hợp mà Nhà thầu không có lỗi thì Chủ đầu tư không được vì lợi ích riêng mà chấm dứt Hợp Đồng để giao cho đơn vị khác thực hiện công việc này.
- 18.7. Nếu Hai Bên không có thỏa thuận khác, trong trường hợp Hợp Đồng chấm dứt hiệu lực, Hai Bên sẽ làm Biên bản thanh lý để ghi nhận sự chấm dứt hiệu lực của Hợp Đồng, ngoại trừ trường hợp Hợp Đồng chấm dứt theo quy định tại Điều 18.1 nêu trên thì việc chấm dứt Hợp Đồng sẽ được xử lý theo quy định tại Điều 18 và các quy định khác tại Hợp Đồng.

ĐIỀU 19. THƯỞNG, PHẠT VÀ TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 19.1. **Thưởng Hợp Đồng:** Trường hợp Nhà thầu hoàn thành các nghĩa vụ của Hợp Đồng sớm hơn so với thời hạn quy định trong Hợp Đồng này, mang lại hiệu quả cho Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư có thể xem xét thưởng cho Nhà thầu. Mức thưởng, thời gian thưởng Chủ đầu tư sẽ xem xét trên cơ sở đề xuất của Nhà thầu.
- 19.2. **Phạt vi phạm Hợp Đồng:**
- a) Trong trường hợp Sản Phẩm Tư Vấn không đảm bảo yêu cầu chất lượng theo quy định của Hợp Đồng và Nhà thầu đã chỉnh sửa quá 02 (hai) lần vẫn không đạt yêu cầu chất lượng, thì từ lần chỉnh sửa thứ 3 trở đi, Nhà thầu sẽ bị phạt 0,5% (*không phải năm phần trăm*) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi lỗi vi phạm/lần chỉnh sửa nhưng tổng mức phạt

không vượt quá 8% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.

- b) Trường hợp Nhà thầu vi phạm về thời gian thực hiện Hợp Đồng mà không do sự kiện Bất Khả Kháng hoặc không do lỗi của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ chịu phạt 0,5% (không phẩy năm phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ nhưng tổng mức phạt không quá 8% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.
 - c) Nếu Nhà thầu không gia hạn bất kỳ bảo lãnh nào theo quy định của Hợp Đồng và/hoặc yêu cầu của Chủ đầu tư, Nhà thầu sẽ bị phạt 8% (tám phần trăm) giá trị bảo lãnh không được gia hạn đó.
 - d) Trường hợp chấm dứt Hợp Đồng bởi Chủ đầu tư theo quy định tại Điều 18.1(a) Hợp Đồng ngoại trừ trường hợp quy định tại Điều 18.1.(a).vii, Nhà thầu sẽ phải chịu phạt 08% (tám phần trăm) Giá Trị Hợp Đồng.
 - e) Nếu Chủ đầu tư thanh toán chậm cho Nhà thầu thì Nhà thầu có quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán khoản lãi suất chậm trả cho những ngày chậm thanh toán đối với số tiền thanh toán chậm đó theo lãi suất quá hạn do Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) áp dụng tại ngày đáo hạn nghĩa vụ thanh toán của Chủ đầu tư. Tổng tiền lãi không vượt quá 08% (tám phần trăm) tổng số tiền chậm thanh toán.
- 19.3. Bồi thường thiệt hại: Hai Bên cùng thống nhất rằng, trường hợp một trong Hai Bên vi phạm các quy định tại Hợp Đồng này thì ngoài việc phải chịu phạt vi phạm theo quy định tại Điều 19.2, Bên vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm (bao gồm toàn bộ tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút và các thiệt hại khác theo quy định của pháp luật).

ĐIỀU 20. CHỐNG THAM NHŨNG VÀ HỐI LỘ

- 20.1. Để đảm bảo tính minh bạch trong quan hệ công việc, Chủ đầu tư và Nhà thầu cam kết và bảo đảm rằng nhân sự của Chủ đầu tư (nhân sự của Chủ đầu tư: bao gồm lãnh đạo, người lao động của Chủ đầu tư hoặc bất kỳ một Bên Thứ Ba nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện cho Chủ đầu tư) và nhân sự của Nhà thầu (nhân sự của Nhà thầu: bao gồm lãnh đạo, người lao động của Nhà thầu hoặc bất kỳ một Bên Thứ Ba nào khác trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện cho Nhà thầu) sẽ không trực tiếp hoặc gián tiếp yêu cầu hoặc hứa hẹn hoặc thực hiện đưa hối lộ hoặc nhận hối lộ để nhằm đạt được lợi ích riêng hoặc ưu thế trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp Đồng này.
- 20.2. Hành vi đưa hối lộ và/hoặc nhận hối lộ theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ nhân sự nào của Nhà thầu nhận thấy bất kỳ nhân sự nào của Chủ đầu tư có biểu hiện, hành vi đòi hối lộ thì phải thông báo ngay lập tức cho Chủ đầu tư.
- 20.3. Nếu Nhà thầu/nhân sự của Nhà thầu có hành vi đưa Hối Lộ, Chủ đầu tư có quyền, tùy từng thời điểm xảy ra hoặc phát hiện ra hành vi Hối Lộ, áp dụng một hoặc đồng thời một số biện pháp sau:
- a) Hủy kết quả đánh giá lựa chọn Nhà thầu trong trường hợp Nhà thầu ký kết Hợp Đồng thông qua việc đấu thầu.
 - b) Tùy vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ và tùy quyết định của Chủ đầu tư, phạt Nhà thầu một khoản tiền **50.000.000 đồng** (năm mươi triệu đồng) cho một hành vi Hối Lộ hoặc chấm dứt Hợp Đồng ngay lập tức mà không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay bồi thường nào và Nhà thầu phải bồi thường cho Chủ đầu tư các khoản thiệt hại phát sinh (nếu có) do việc chấm dứt Hợp Đồng này, hoàn trả cho Chủ đầu tư các khoản tiền Chủ đầu tư đã tạm ứng, đã thanh toán cho Nhà thầu và chịu các chế tài

phạt khác quy định tại Hợp Đồng khi Hợp Đồng bị chấm dứt do lỗi vi phạm của Nhà thầu.

- c) Đưa Nhà thầu vào danh sách các Nhà thầu cần phải kiểm soát khi tham gia các gói thầu cung cấp dịch vụ/hàng hóa khác hoặc không được tham gia chào thầu hàng hóa/dịch vụ cho Chủ đầu tư.
 - d) Chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra nếu hành vi Hối Lộ có dấu hiệu vi phạm pháp luật Hình Sự.
- 20.4. Nếu nhân sự Chủ đầu tư có hành vi đòi hối lộ hoặc nhận hối lộ thì Chủ đầu tư cam kết sẽ xử lý đúng và ngay lập tức theo quy định nội bộ của Chủ đầu tư và quy định pháp luật hiện hành, đồng thời Chủ đầu tư cam kết trong trường hợp này sẽ không đề những nhân sự vi phạm nêu trên tiếp tục tham gia thực hiện các công việc liên quan đến Hợp Đồng này.

ĐIỀU 21. KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 21.1. Khi một Bên phát hiện Bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp Đồng thì có quyền yêu cầu Bên kia thực hiện theo đúng nội dung Hợp Đồng đã ký kết. Khi đó Bên phát hiện có quyền khiếu nại Bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 07 ngày. Nếu các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của Bên kia.
- 21.2. Trong vòng 10 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với Hợp Đồng đã ký, Bên phát hiện phải thông báo ngay cho Bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không Bên nào có khiếu nại thì Các Bên phải thực hiện theo đúng những thoả thuận đã ký.
- 21.3. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, Bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của Bên kia là không phù hợp với Hợp Đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu Bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do Bên kia đưa ra.
- 21.4. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp Đồng, Các Bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải. Trường hợp thương lượng không có kết quả thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại cơ quan Tòa án có thẩm quyền.

ĐIỀU 22. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 22.1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký kết.
- 22.2. Các Bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của Hợp Đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của Bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thoả thuận nào mà không được nêu ra trong Hợp Đồng, không Bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.
- 22.3. Mọi sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp Đồng này phải được Các Bên thoả thuận và xác lập bằng văn bản. Văn bản về việc sửa đổi và/hoặc bổ sung Hợp Đồng là một phần không tách rời của Hợp Đồng.
- 22.4. Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp Đồng.
- 22.5. Hợp Đồng này bao gồm 22 điều, được lập thành 12 (mười hai) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 09 (chín) bản, Nhà thầu sẽ giữ 03 (ba) bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



NAM CƯỜNG
CORPORATION

Kính gửi: Quý Công ty

Công ty cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội ("Tập đoàn Nam Cường") xin gửi tới Quý Công ty lời chào trân trọng và hợp tác.

Tập đoàn Nam Cường là Tập đoàn đầu tư uy tín, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như Bất động sản Khu đô thị, Khách sạn, Khu nghỉ dưỡng cao cấp, Giáo dục, Y tế... Chúng tôi đã và đang triển khai các Dự án lớn như: Khu đô thị mới Dương Nội, Hà Nội; Khu đô thị mới Cổ Nhuế, Hà Nội; Khu đô thị mới Mỹ Trung, Nam Định; Khu đô thị mới Hòa Vượng, Nam Định; Khu đô thị mới Thống Nhất, Nam Định; Khu đô thị mới phía Đông, Khu đô thị mới phía Tây và Tây mở rộng, TP Hải Dương; Dự án Nam Cường – Phú Quốc; Dự án Khách sạn Quốc tế Đồ Sơn, TP Hải Phòng; Bệnh viện Quốc tế Nam Cường, Hà Nội...

Với tiêu chí chất lượng, đề cao uy tín trong mọi suy nghĩ và hành động, chúng tôi luôn nỗ lực mỗi ngày để trở thành một Tập đoàn mang lại những giá trị bền vững cho cư dân và cộng đồng

Chính vì vậy, trong quá trình hoạt động, chúng tôi luôn mong muốn được hợp tác với các đối tác nghiêm túc, trung thực và đúng chuẩn mực. Tập đoàn kiên quyết chống lại các hành động tham nhũng, gian lận, bao che, bất bình đẳng, nhằm tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng, minh bạch và lợi ích bình đẳng với tất cả các đối tác trong công tác đấu thầu cũng như triển khai thực hiện dự án.

Về phía cán bộ, nhân viên của Tập đoàn: Tập đoàn đã yêu cầu cán bộ, nhân viên ký "Cam kết liêm chính" với yêu cầu không sách nhiễu nhà thầu vì động cơ cá nhân, ảnh hưởng đến uy tín của Tập đoàn. Mọi hành vi tham nhũng đều bị xử lý theo quy định nội bộ và/hoặc theo quy định của pháp luật.

Về phía đối tác, nhà thầu: Chúng tôi đề nghị các đối tác, nhà thầu khi tham gia đấu thầu, thực hiện các Dự án của Tập đoàn, tuyệt đối không tiếp xúc ngoài công việc với bất kỳ cá nhân nào thuộc Tập đoàn. Chúng tôi sẽ ký cam kết chống tham nhũng với tất cả các đối tác, nhà thầu khi phát sinh Hợp đồng/giao dịch. Hành vi tham nhũng, gian lận, tặng quà dưới mọi hình thức và bất kỳ giá trị nào đều có thể khiến đối tác, nhà thầu của chúng tôi bị loại thầu, phạt vi phạm Hợp đồng, chấm dứt Hợp đồng thầu và/hoặc bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

Tập đoàn Nam Cường rất mong nhận được sự đồng hành và ủng hộ của Quý Công ty trong các giao dịch giữa hai bên để mang lại môi trường kinh doanh lành mạnh, tích cực, vì lợi ích lâu dài và bền vững của cả hai bên.

Mọi vướng mắc cần giải quyết xin liên hệ đường dây nóng: 08 79 83 78 96.

Kính chúc Quý Công ty ngày càng phát triển thịnh vượng và mong được hợp tác với Quý Công ty trong thời gian sắp tới!

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Cường

CAM KẾT CHÍNH TRỰC VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN ĐẦU THẦU

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh/Hồ sơ mời thầu mà chúng tôi đã nhận được, Chúng tôi, Công ty ("**Bên Dự Thầu**") cam kết:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan.
2. Tuân thủ điều khoản chính trực và chống hối lộ :
 - 2.1 Chúng tôi/nhân viên của chúng tôi cam kết và bảo đảm rằng Bên Dự Thầu và/hoặc nhân viên của Bên Dự Thầu (sau đây gọi chung là "**Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu**") trong quá trình đàm phán, làm việc, tham gia dự thầu với Bên Mời Thầu và/hoặc nhà tư vấn/nhân viên của nhà tư vấn của Bên Mời Thầu (sau đây gọi chung là "**Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu**"), dù trực tiếp hay gián tiếp, không thực hiện bất kỳ hành động nào dưới đây ("**Hối Lộ**"):
 - (a) chi tiền hoa hồng, thưởng hay hứa thưởng, hứa hẹn tặng quà, tiền, lợi ích vật chất và/hoặc bất kỳ vật có giá trị nào dưới bất kỳ hình thức nào cho Bên Mời Thầu hay cho Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu;
 - (b) thông đồng với Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu làm cho Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu không thực hiện, thực hiện không đúng, không đầy đủ hay trái với phạm vi công việc, chức năng chuyên môn mà Bên Mời Thầu đã phân công;
 - (c) thông qua bên thứ ba để thực hiện bất kỳ hành động nào quy định tại mục (a) và (b) Khoản 2.1 của Điều này nhằm được ưu tiên trúng thầu và/hoặc để hưởng các lợi ích khác.
 - 2.2 Đồng thời, Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu cam kết sẽ thông báo ngay lập tức cho người có thẩm quyền của Bên Mời Thầu mọi hành vi, biểu hiện của Bên Có Liên Quan Của Bên Mời Thầu liên quan đến việc đòi hỏi, yêu cầu Hối Lộ trong quá trình dự thầu.
 - 2.3 Nếu Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu vi phạm điều khoản chống Hối Lộ này, Bên Dự Thầu đồng ý rằng Bên Mời Thầu có quyền tại bất kỳ thời điểm nào, áp dụng một hoặc tất cả các hành động, chế tài sau đây:
 - (a) hủy quyết định giao thầu đã trao cho Bên Dự Thầu cùng tất cả các phê duyệt, chấp thuận và các tài liệu khác mà Bên Mời Thầu đã phát hành liên quan đến việc chọn thầu mà không bị phạt vi phạm và/hoặc phải bồi thường cho Bên Dự Thầu bất kỳ khoản tiền nào;
 - (b) không cho phép Bên Dự Thầu tiếp tục tham gia đấu thầu các gói thầu của Bên Mời Thầu;
 - (c) áp dụng một khoản phạt đối với Bên Dự Thầu cho mỗi hành vi Hối Lộ tương ứng với các trường hợp như sau:
 - (i) Trường hợp gói thầu có giá trị đến 01 (một) tỷ đồng: 100.000.000 VND (Một trăm triệu đồng);
 - (ii) Trường hợp gói thầu có giá trị trên 01 (một) tỷ đồng: 10% (mười phần trăm) giá trị gói thầu (không bao gồm thuế GTGT);

Bên Dự Thầu cam kết sẽ bồi thường cho Bên Mời Thầu bất kỳ và toàn bộ các thiệt hại phát sinh do việc hủy quyết định chọn thầu do hành vi Hối Lộ của Bên Dự Thầu/Nhà thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu.

- (d) tùy thuộc vào quyết định của Bên Mời Thầu, Bên Mời Thầu được quyền xem xét, quyết định chấm dứt việc đàm phán hoặc việc thực hiện hợp đồng đang triển khai giữa Bên Mời Thầu với Bên được xem là công ty con, công ty thành viên, Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu hoặc trong cùng hệ thống của Bên Dự Thầu;
 - (e) tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của hành vi Hối Lộ, Bên Mời Thầu được quyền chuyển vụ việc Hối Lộ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật. Để làm rõ, việc chuyển hành vi Hối Lộ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không làm thay đổi, điều chỉnh hoặc mất hiệu lực các chế tài mà Bên Dự Thầu phải gánh chịu do hành vi Hối Lộ của mình được Các Bên thống nhất quy định từ mục (a) đến mục (d) của Khoản 2.3 này.
- 2.4 Bên Dự Thầu hiểu và thừa nhận rằng hành vi Hối Lộ và các chế tài áp dụng đối với hành vi này được áp dụng với Bên Dự Thầu, Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu và nhân viên của Bên Mời Thầu có hành vi yêu cầu Hối Lộ và/hoặc hợp tác thực hiện. Do đó, Bên Mời Thầu được miễn trừ mọi trách nhiệm liên quan đến hành vi Hối Lộ của Bên Dự Thầu và/hoặc Bên Có Liên Quan Của Bên Dự Thầu.
- 2.5 Nếu nhân viên của Bên Mời Thầu đòi hỏi hối lộ, Bên Dự Thầu phải lập tức báo đến người quản lý của Bên Mời Thầu. Nếu có những nghi ngờ không minh bạch về việc chọn thầu phải báo cáo về **Đường dây nóng: 0879 837 896/0904 378 999**. Việc điều tra sẽ được tiến hành bí mật và ngay lập tức.
3. Thông tin bảo mật trong Hồ sơ mời thầu (Hồ sơ chào hàng cạnh tranh)/Hồ sơ dự thầu (Hồ sơ dự chào hàng cạnh tranh) bao gồm chi phí về tài chính, sơ đồ hoạt động, hồ sơ thiết kế, mặt bằng, báo cáo và các tài liệu có liên quan đến Dự án có được từ bất cứ nguồn thông tin nào nhưng không bao gồm các thông tin đã công bố ra công chúng.
- Theo đó, Chúng tôi/ nhân viên của chúng tôi cam kết không tiết lộ bất kỳ Thông tin bảo mật, không sao chép, mô phỏng các tài liệu, hình ảnh, Thông tin bảo mật mà Bên Giao Thầu đã cung cấp, bàn giao cho chúng tôi hoặc chúng tôi đã thu thập được trong quá trình thực hiện Hồ sơ dự thầu. Chúng tôi chỉ sử dụng các tài liệu, hình ảnh, thông tin trên chỉ cho mục đích thực hiện Hồ sơ dự thầu cho Dự án nêu tại Văn bản này.
4. Sau khi có thông báo không trúng thầu, Chúng tôi có trách nhiệm hoàn trả hoặc tiêu hủy toàn bộ hồ sơ, tài liệu liên quan đến Hồ sơ mời thầu mà Bên Giao Thầu đã cung cấp, kể cả bản photo, file mềm. Chúng tôi đồng ý rằng trong trường hợp chúng tôi vi phạm một trong các cam kết nêu tại Văn bản này thì chúng tôi sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm pháp lý liên quan và bồi thường các thiệt hại phát sinh cho Bên Mời Thầu và bên thứ ba (nếu có).
- Chúng tôi cũng hiểu rằng khi Chúng tôi vi phạm bất kỳ nội dung cam kết nào theo Văn bản này thì Bên Mời Thầu có quyền thu hồi một hoặc tất cả quyết định chọn thầu đã ban hành đối với từng công trình/ dự án hoặc các công trình/ dự án có sự tham gia của chúng tôi mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào và bồi hoàn bất cứ chi phí nào cho chúng tôi. Thông báo về thu hồi quyết định giao thầu của Bên Mời Thầu với chúng tôi sẽ có hiệu lực kể từ ngày gửi.
5. Trường hợp Mời Thầu chuyển giao/ chuyển nhượng cho pháp nhân khác là công ty liên doanh, công ty liên kết, công ty thành viên, công ty con của Bên Mời Thầu hoặc pháp nhân

do Bên Mời Thầu chỉ định (“Bên tiếp nhận”) thì chúng tôi cam kết thực hiện đúng các nội dung theo Văn bản này với Bên tiếp nhận cho đến thời hạn cam kết của Văn bản này.

6. Văn bản này có hiệu lực trong vòng 3 năm kể từ ngày ký và/hoặc đến hết 01 năm kể từ ngày Bên Dự Thầu thực hiện xong Hợp đồng (trong trường hợp Bên Dự thầu được lựa chọn) tùy theo thời hạn nào đến sau.

....., Ngàytháng.....năm 2021

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]